

Phần IV
GIỐNG CÂY ĂN QUẢ

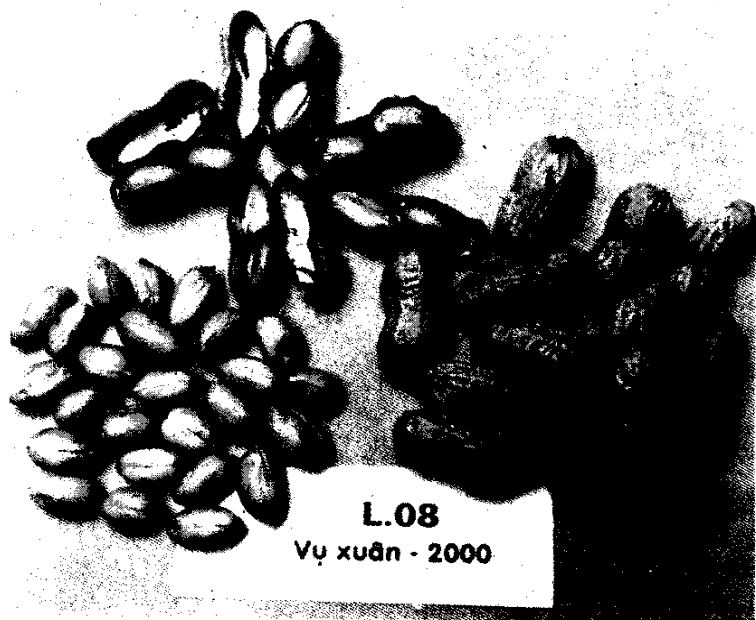
A. NHÂN

GIỐNG NHÂN LÔNG

Nhân lông quả thường to hơn các giống khác. Trọng lượng trung bình quả đạt 11 - 12 g/quả. Quả to có thể đạt 14 - 15 g, quả nhỏ 7 - 8 g/quả. Tuy nhiên, trọng lượng quả còn phụ thuộc vào sức sinh trưởng của cây và số quả trên cây.

Đặc điểm của nhân lông là các múi chồng lên nhau ở phía đỉnh quả. Trên mặt ngoài cùi hình thành các nếp nhăn. Các múi bóng nhẵn, hạt nâu đen, độ bám giữa cùi và hạt, cùi và vỏ yếu. Tỷ lệ cùi/quả đạt trung bình 62,7%, cao hơn các giống nhân trừ nhân cùi diếc. Quả chín ăn giòn ngọt đậm. Vỏ quả nhân lông thường dày, giòn, độ dày trung bình đạt 0,8 mm. Quả trên chùm nhân lông thường khá đều nhau.

Ở Phố Hiến (thị xã Hưng Yên) có giống nhân Hương Chi nổi tiếng. Nguồn gốc giống nhân này từ vườn của cụ Hương Chi, tên của cụ được đặt tên cho giống nhân lông nổi tiếng mà sinh thời cụ đã chọn trồng được. Nhân này quả to bình quân 13 - 14 g/cùi, cùi giòn, sắc nước, hạt nhỏ, vỏ mỏng và mã quả đẹp. Chùm quả có dạng chùm sung, sai quả. Cây có nhiều đợt hoa trong năm nên không bị mất mùa do ảnh hưởng của thời tiết xấu, do đó năm nào cũng có quả. Nhân Hương Chi thuộc dạng thấp cây, cành xòe rộng, tán tròn xum xuê dễ chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và dơi chuột, thu hái thuận tiện và hạn chế được ảnh hưởng của gió bão.



Giống Lạc (Đậu phộng) L.08

Đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, có thời gian sinh trưởng 110-115 ngày

Khối lượng 100 hạt đạt 68,1 g.

Tỉ lệ hạt/ quả : 75%.

Năng suất quả khô 32,5 tạ/ ha.



Giống Đu Đủ lai : Nông Hữu 1

Chống bệnh virus, chín sớm, 30 - 40 quả/ cây,
độ ngọt 12°.

Trọng lượng quả từ 1,5 - 3 kg.

GIỐNG NHÂN BÀN BÀN

Quả to bằng quả nhân lồng. Trọng lượng trung bình đạt 11 - 13 g/quả. Trôn quả hơi vẹo, vai quả gồ ghề, cùi dày, khô, ít nước ăn có vị ngọt nhạt. Phẩm chất quả kém nhân lồng, có lẽ đây là một biến dị của nhân lồng.

Màu sắc vỏ quả và kiểu chùm quả tương tự như nhân lồng, song quả tròn hơn so với nhân lồng. Quả nhỏ hơn quả nhân lồng. Trọng lượng trung bình 7 - 12 g/quả. Vỏ quả màu nâu nhạt, dày, giòn. Hàm lượng nước trong cùi nhiều hơn so với nhân lồng. Cùi tương đối dày, trên mặt cùi có các cụ u nhỏ như cục đường phèn. Dịch nước quả có màu trong hoặc hơi đục. Tỷ lệ cùi/quả 60%. Cùi quả ăn thơm, vị ngọt sắc, chín muộn hơn nhân cùi 10 - 15 ngày.

GIỐNG NHÂN CÙI

Mang đặc điểm chung của nhóm nhân cùi. Trọng lượng quả từ 7 - 11 g/quả. Trung bình đạt 8,5 g/quả (khoảng 120 quả/kg). Quả có hình cầu hơi dẹt, vỏ màu nâu vàng, không sáng mã.

Độ ngọt thơm của quả kém nhân lồng và nhân đường phèn. Độ dày của vỏ quả trung bình 0,5 mm, của cùi 4,7 mm. Tỷ lệ cùi/quả đạt 58%. Giống nhân này trồng phổ biến ở Hải Dương, Hưng Yên. Nhân cùi chủ yếu để sấy khô làm long nhân dùng cho xuất khẩu. Về giá trị kinh tế kém hơn so với nhân lồng và nhân đường phèn.

GIỐNG NHÂN CÙI ĐIEC

Có lẽ đây cũng là một biến dị của nhân cùi. Có rất ít ở Hải Hưng (cũ). Nhân cùi diec có nhiều đặc điểm giống nhân cùi. Song có đặc điểm đặc biệt là hạt của nó rất nhỏ, chỉ bằng hạt đỗ tương, có trường hợp còn nhỏ hơn. Vỏ ngoài của hạt nhăn nheo, trọng lượng trung bình của hạt đạt 0,6 g/hạt. Vì vậy cùi quả giống nhân này rất dày.

Trọng lượng quả trung bình 8,6 g/quả. Tỷ lệ cùi/quả 74,7 %. Về độ ngọt, hương thơm của quả ở mức trung gian giữa nhân đường phèn và nhân cùi.

GIỐNG NHÂN NƯỚC

Quả bé, trọng lượng trung bình 6,15 g/quả, hạt to, cùi mỏng và trong. Độ dày cùi 2,7 mm, tỷ lệ cùi/quả đạt 31%, chỉ gần bằng nửa so với các giống nhân trong nhóm nhân cùi. Hàm lượng đường tổng số trong quả thấp (11,7%), trong khi đó các giống thuộc nhóm nhân cùi luôn lớn hơn 16,3%.

Giống nhân này thường được sấy để làm long nhãn. Ngoài ra có thể dùng hạt để làm gốc ghép cho các giống nhân thuộc nhóm nhân cùi.

GIỐNG NHÂN THỐC

Một số nơi còn gọi là nhân trơ, nhân cỏ. Giống này có những đặc trưng cơ bản giống nhân nước. Trọng lượng quả trung bình đạt 5,32 g/quả. Tỷ lệ cùi/quả rất thấp, chỉ đạt 27,4%, trong khi trọng lượng quả/hạt

chiếm 55%.

Đây là loại nhãn có phẩm chất thấp trong số các giống nhãn, vì vậy giống này đang được loại bỏ dần trong các vườn hộ. Hạt có thể làm gốc ghép cho nhãn.

GIỐNG NHÃN TIÊU DA BÒ

Hay còn gọi là giống Tiêu Huế. Lá kép, có 10 - 13 lá chét, múi lá hơi bầu, mép lá hơi gợn sóng, phiến lá không phẳng, hơi xoắn, mặt lá màu xanh đậm, bóng. Quả khi chín có màu vàng da bò sẫm hơn. Trọng lượng quả trung bình 10 g/quả. Quả có cùi dày, hạt nhỏ, ráo nước. Phần ăn được khoảng 60% trọng lượng quả. Vỏ hạt không nứt. Độ ngọt vừa phải, ít thơm, chủ yếu dùng để ăn tươi.

GIỐNG NHÃN XUÔNG CƠM VÀNG

Giống nhãn xuông đã được chọn lọc giữ lại từ hàng chục năm nay. Do dạng quả có hình giống chiếc xuông nên giống này có tên là nhãn xuông. Giống này có nguồn gốc tại Bà Rịa - Vũng Tàu trên 40 năm của vườn ông Phan Văn Tư, hiện được trồng nhiều tại các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Vĩnh Long...

Quả trên chùm to đều, trọng lượng quả 16 - 25 g, phần ăn được 60 - 70%, độ Brix 21 - 24%, cùi dày, màu vàng ít nước nhưng ngọt, thịt quả rất ráo, giòn, ngọt, khá thơm, dùng để ăn tươi là chính.

GIỐNG NHÂN TIÊU LÁ BẦU

Nguồn gốc: Cây gieo hạt trồng trước 1975 ở vườn nhà ông Phạm Văn Thuận ở xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Hiện nay giống này được chú ý phát triển nhất là ở các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long...

Cây sinh trưởng mạnh, tiềm năng năng suất cao, cây 4 - 5 tuổi có thể đạt 90 kg quả/cây/năm. Trọng lượng quả trung bình 9 - 14 g, vỏ quả khi còn non màu xanh, chín màu vàng da bò, thịt quả dày trung bình 5 - 6 mm, phần ăn được đạt 60 - 70%, vị rất ngọt độ Brix 23 - 26%. Quả có cùi dày nhiều nước ngọt thơm. Chùm quả đều. Quả dùng để ăn tươi là chủ yếu.

GIỐNG NHÂN LONG

Đặc điểm: Lá kép, có 6 - 9 lá chét, mút lá bầu tròn, phiến lá dày, cứng. Kích thước lá lớn, gân lá nổi rõ, lá màu xanh, nhẵn, biên lá gợn sóng. Quả có trọng lượng trung bình 15 g, vỏ quả màu vàng sáng hoặc vàng ngà, có đường ráp vỏ. Hạt màu đen đa số có đường nứt ở vỏ. Cùi quả mềm, mỏng, tỷ lệ cùi khoảng 50%, nhiều nước, ăn ngọt và thơm, ít dùng để ăn tươi, sấy khô là chính.

Nhân long có vùng thích nghi rộng, có diện tích và sản lượng lớn nhất trong các giống nhân ở Nam bộ. Ngoài thu hoạch quả chính vụ (tháng 6 - 8 dương lịch) còn có quả trái vụ (tháng 12 - 1 dương lịch).

GIỐNG NHÂN GIỒNG DA BÒ

Trồng nhiều trên đất cát, trồng ở huyện Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng), Vũng Tàu, Tiền Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Lá kép, có 8 - 13 lá chét, hai bên mép lá uốn xuống dưới, mút lá bầu, lá to, phía dưới lá (lưng lá) có một lớp lông nhung bao phủ. Cây mọc khỏe.

Quả chín vỏ có màu da bò hoặc vàng sáng hay hồng. Cùi dày, dai, tỷ lệ cùi 65%, ít thơm trọng lượng quả trung bình 16 g. Hạt tương đối to, không nứt vỏ hạt.

Nhân giống da bò tuy ăn không ngon song có ưu điểm thích nghi với đất xấu, đất có ảnh hưởng mặn.

GIỐNG NHÂN ĐẠI Ô VIÊN

Trồng phổ biến ở tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), đặc biệt ở vùng đồng bằng sông Chu, ngoài ra còn trồng ở tỉnh Quảng Tây và một số tỉnh khác.

Đặc điểm chủ yếu: Cây cao lớn mọc rất khỏe, tán cây hình mâm xôi, xòe rộng lá xanh đậm, phản quang. Lá có 8 - 10 lá chét rộng hình elíp. Chùm quả to, phân nhánh dày, quả trên chùm phân bố dày đều. Quả hình cầu độ lớn khá đồng đều. Trọng lượng quả 12 - 16 g, vỏ quả màu vàng nhạt, vỏ mỏng cùi màu trắng sữa, dày 0,6 - 0,8 cm, dễ tách hạt, cùi nhiều nước, mềm, ngọt vừa. Phẩm chất quả vào loại trung bình. Hạt to, hình tròn màu nâu đen. Phần ăn được 66 - 70%. Quả chín vào đầu và giữa tháng 8.

Giống Đại Ô Viên có tính thích nghi khỏe, sinh trưởng nhanh, sản lượng cao và ổn định. Quả to, cùi dày, phần ăn được có tỷ lệ cao, song phẩm chất hương

vị trung bình, là giống chính vụ dùng ăn tươi và làm đồ hộp.

Hạt to, dày dặn gieo hạt tỷ lệ thành cây cao, sinh trưởng nhanh thường làm gốc ghép cho nhân.

GIỐNG NHÂN THẠCH HIỆP

Trồng nhiều ở vùng đồng bằng sông Chu, tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc. Ngoài ra còn trồng nhiều ở các huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

Đặc điểm chủ yếu: Cây mọc khỏe, tán xòe rộng hình bán cầu, lá màu xanh đậm, có 8 - 10 lá chét, độ lớn trung bình, hình elíp hơi dài, biên lá gợn sóng.

Chùm hoa vào loại trung bình, chùm quả nặng 300 - 400 g, độ lớn quả đồng đều. Quả hình tròn đẹp, hơi lèch, nặng 7 - 9 g. Vỏ quả có màu vàng nâu hoặc vàng nâu hơi pha xanh nhạt, vỏ dày. Cùi có màu trắng sữa hay hanh vàng màu đục, dày khoảng 0,5 cm. Ăn ngọt sắc, thơm. Phẩm chất quả rất khá, hạt bé, hình tròn dẹt, màu nâu đỏ. Phần ăn được 65 - 68%. Quả chín vào đầu và giữa tháng 8.

Độ lớn quả nhân Thạch Hiệp vào loại trung bình, thịt quả dày, hạt bé, tỷ lệ ăn được cao, cùi giòn, ngọt đậm, thơm, là giống nhân ngon của tỉnh Quảng Đông, dùng ăn tươi và làm đồ hộp, sản lượng cao và ổn định.

GIỐNG NHÂN TRỮ LƯƠNG

Nguyên sản ở thôn Trữ Lương, huyện Cao Châu tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc là giống tốt có tiếng và

được trồng nhiều ở tỉnh Quảng Đông. Năm 1992 được huy chương vàng ở triển lãm nông nghiệp toàn quốc lần thứ I.

Nhân Trữ Lương có tán cây trung bình, hình mâm xôi, phân cành nhiều. Khoảng cách giữa các đốt trên cành ngắn, lá xanh đậm. Có 6 - 8 lá chét, độ lớn của lá trung bình, hình trứng hơi dài. Chùm quả tương đối lớn. Quả hình tròn dẹt, to đều, nặng trung bình 12 g. Vỏ quả màu vàng nâu, cùi quả màu trắng sữa. Cùi dày 0,65 - 0,75 cm, dễ tách khỏi hạt, giòn, ít nước, ăn ngọt, thanh. Tổng chất tan 21%, đường tổng số 18,6%, độ axít 0,1%, vitamin C 50mg/100ml dịch nước quả.

Cây ra hoa vào cuối tháng 4. Quả chín vào giữa tháng 8, năng suất cao. Quả dùng để ăn tươi và chế biến.

GIỐNG NHÂN DAW

Là giống chín sớm nhất nên được dân Thái Lan ưa trồng. Quả to, hạt to, vỏ mỏng màu vàng nhạt, cùi dày, giòn ngọt và thơm. Ít ra quả cách năm. Có nhược điểm là quả chín để lâu trên cây hạt có thể mọc mầm.

GIỐNG NHÂN CHAMPOO

Quả to, hạt bé, có phẩm chất tốt, thích hợp để ăn tươi (vì khi đóng hộp cùi biến thành màu hồng), năng suất cao nhưng có hiện tượng cách năm.

GIỐNG NHÂN HAEW

Quả to, bình quân 18 - 20 g, vỏ dày màu vàng nhạt, cùi dày, ngọt và thơm. Quả chín vào tháng 7, để chín cây quả càng thơm ngon. Cứng chùm quả hơi cứng nên khó đóng vào bao. Nhân Haew đóng hộp khá tốt. Nhược điểm có hiện tượng cách năm.

GIỐNG NHÂN BIEW - KIEW

Là giống nhân được dân Thái Lan ưa chuộng nhất. Vỏ quả màu xanh, quả hơi vẹo, cùi dày, hạt nhỏ. Cùi màu vàng nhạt, giòn, mùi vị thơm ngon. Quả chín muộn vào tháng 8. Tuy có nhiều ưu điểm song giống Biew - Kiew chậm có quả và có hiện tượng cách năm.

Các giống nhân của Thái Lan cho thu hoạch vào tháng 6 đến tháng 8.

GIỐNG NHÂN TRÊN VỎ CÓ PHẦN

Là giống ưu tú được trồng nhiều ở Đài Loan, có năng suất cao dùng để ăn tươi và chế biến. Độ đường trong quả cao (26⁰ Brix), nặng trung bình 11,8 g, độ lớn quả đồng đều, khi chín vỏ có màu vàng sẫm. Chín vào trung tuần tháng 8. Phần ăn được chiếm 65 - 70%. Chùm quả rất sai. Do điều kiện địa lý của vùng trồng thấy có 2 dạng quả khác nhau là tròn và dẹp.

GIỐNG NHÂN VỎ ĐỎ

Đặc điểm nổi rõ là quả có màu đỏ sẫm. Trọng lượng quả lớn 11,1 g. Độ đường 21⁰ Brix, ăn ngọt, hơi

giòn. Năng suất cao được nông dân ưa trồng. Thời vụ thu hoạch từ giữa đến cuối tháng 8.

GIỐNG NHÂN VỎ XANH

Quả lúc chín có màu xanh vàng, ăn rất ngọt. Độ đường 21^o Brix. Trọng lượng quả trung bình 11,1 g. Năng suất cao, sức sinh trưởng kém hơn nhân vỏ đỏ. Thời vụ thu hoạch giữa tháng 8.

GIỐNG NHÂN THÁNG 10

Thuộc nhóm nhân chín muộn. Quả to, khoảng 81 quả/1 kg. Trên chùm quả lớn và quả vừa chiếm gần 84%. Tỷ lệ cùi chiếm 64,5% trọng lượng quả. Độ đường cao 20,2^o Brix để lâu trên cây vẫn giữ được độ ngọt. Ra hoa vào tháng 7, quả chín vào cuối tháng 9 đầu tháng 10. Do chín muộn nên giá bán đất gấp 2 - 3 lần nhân chính vụ. Có nhược điểm là tỷ lệ ghép sống thấp, muốn mở rộng diện tích hơi khó.

Gần đây, ở các tỉnh phía Bắc, việc đánh giá, tuyển chọn và nhân nhanh một số giống cây đầu đàn của một số giống nhân quý đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Qua điều tra, Viện Nghiên cứu rau quả đã tìm ra được 14 giống cây nhân rất xuất sắc đó là PH-S99-1-1, PH-T99-1-1, PH-T99-1-2, PH-T99-1-3, PH-T99-2-1, PH-T99-2-2, PH-M99-1-1, PH-M99-2-1, PH-M99-2-3, PH-M99-2-4, PH-M99-2-5, YB-28, YB-29, LC-9. Các giống này có đặc điểm cây sinh trưởng tốt, có tán phát triển cân đối, không có sâu, bệnh hại nguy hiểm (bệnh

mốc sương, bệnh tổ rồng hại hoa, bệnh thối rễ, bệnh lở cổ rễ, bệnh sém mép lá và khô đầu lá...). Năng suất cao ổn định ít nhất trong 3 năm liên tục cao hơn trung bình của giống 15 - 20% cụ thể là cây 10 - 15 tuổi đạt hơn 63 kg, cây 16 - 25 tuổi đạt > 100 kg, cây 26 - 35 tuổi đạt > 130 kg, cây lớn hơn 35 tuổi đạt năng suất >150 kg. Quả có độ lớn từ 80 - 100 quả/kg, mã đẹp, cùi ráo dễ tách, độ Brix > 18%, chỉ tiêu cảm quang từ tốt đến rất tốt.

B. XOÀI

CÁC GIỐNG XOÀI GL1, GL2, GL6

Các giống Xoài GL1, GL2, GL6 được nhập nội từ Trung Quốc và Úc, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép khu vực hoá năm 1996.

Các giống xoài trên nhìn chung giữ được các đặc tính cơ bản của giống tại vùng nguyên sản. GL1 là giống xoài hoa tím, GL2 là giống xoài xanh vỏ. Cả hai giống được trồng phổ biến ở các tỉnh miền Nam Trung Quốc và năng suất trung bình đạt 25 tấn/ha. GL6 là giống thương mại của Úc. Dưới đây là một số đặc tính cơ bản của các giống này:

Bảng 5: Một số đặc tính của các giống xoài GL1, GL2 và GL6

Giống	Đặc điểm sinh trưởng	Đặc điểm ra hoa	Đặc điểm quả	Khối lượng quả	Chất lượng quả
GL1	Khỏe	T3 - T5	Quả hình bầu dục Vỏ vàng tươi Thịt vàng da cam, ít xơ	300 g	Tốt
GL2	Khỏe	T3 - T5	Hình bầu dục dài Vỏ xanh vàng Thịt màu da cam đỏ, ít xơ	450 - 500 g	Tốt
GL6	Khỏe	Muộn	Hình trứng Vỏ màu xanh Má quả đỏ Thịt vàng đậm, ít xơ, rất ngọt	350 - 750 g	Tốt

C. VẢI

Qua điều tra tuyển chọn giống vải tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam đã chọn được 8 giống vải có triển vọng, trong đó có 3 giống là cây gieo hạt các giống còn lại là cây chiết. Sức sinh trưởng cao, các giống cành chiết có xu hướng phát triển bề ngang. Các giống tuyển chọn đều có năng suất khá lớn từ 20,7 g/quả đến 33,47 g/quả. Quả có màu sắc khá hấp dẫn, vân nâu giữa phiến thịt quả và hạt không có hoặc ít. Tỷ lệ ăn được từ 65,35 - 75,48 %.

Dưới đây là một số đặc tính cơ bản của các giống vải:

Bảng 6: Một số đặc tính của các giống vải địa phương

TT	Tên giống	KLQ (g)	Tỷ lệ cùi/quả (%)	Màu sắc vỏ quả	Năng suất (tấn/ha)
1	Đường phèn	23,61	65,35	Đỏ tươi	16,27
2	Hoa hồng	24,54	65,48	Đỏ sẫm	16,75
3	Hùng Long	23,47	73,01	Đỏ sẫm	15,55
4	Phú Điền	36,60	71,68	Đỏ sẫm	10,56
5	Phúc Hòa	23,80	71,88	Hồng sẫm	14,01
6	Lai Yên Hưng	30,10	73,18	Đỏ vàng	9,68
7	Lai Bình Khê	33,47	71,46	Đỏ sẫm	14,69
8	Thiếu Thanh Hà	20,70	75,48	Đỏ tươi	8,79

D. ĐU ĐỦ

Hiện nay ở nước ta đang trồng phổ biến các giống đu đủ địa phương, những giống này có chất lượng ngon. Tuy nhiên, năng suất thấp, khả năng chống bệnh kém. Vì vậy, các cơ quan nghiên cứu đã thử nghiệm hàng loạt các giống đu đủ mới nhập từ Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan....

Sau 5 năm thử nghiệm từ 1995 đến 2000, chúng tôi thấy có 2 giống đu đủ lai F1 của Đài Loan, có khả năng thích ứng rộng, có năng suất cao, chất lượng tốt, chống được bệnh virus.

GIỐNG ĐU ĐỦ LAI HỒNG PHI

Giống đu đủ lai Hồng Phi (Red Lady) là giống của Công ty Nông Hữu, Đồng Nai giới thiệu.

Đây là giống đu đủ chín sớm, năng suất cao. Chống chịu với bệnh virus (Papaya ring virus). Khi cây bắt đầu ra quả có chiều cao từ 60 - 80 cm. Có từ 25 - 30 quả/cây. Quả có hình thuôn tròn nếu ở cây cái, hình thuôn dài ở cây đực có hoa lưỡng tính. Trọng lượng mỗi quả đạt từ 1,5 - 2 kg. Ruột đỏ, độ ngọt 13^o, có mùi thơm nhẹ, rất ngon. Trong điều kiện thâm canh có thể đạt từ 60 - 80 tấn quả tươi/ha. Mật độ trồng thích hợp 80 cây/sào (360 m²). Trồng vào tháng 10 đến tháng 11 là tốt nhất. Có thể trồng vào tháng 3 đối với các tỉnh phía Bắc.

GIỐNG NÔNG HỮU SỐ 1

Giống Nông Hữu số 1 (Known - You No1), cũng d Công ty Nông Hữu, Đồng Nai giới thiệu. Giống này chống chịu bệnh virus. Sản lượng cao, ruột vàng, d ngọt 12^o. Số quả trên cây đạt từ 30 đến 40 quả. Trọng lượng quả đạt từ 1,5 - 3 kg. Đây là giống đủ đủ có tiềm năng năng suất cao. Ở đồng bằng Sông Hồng có h nông dân đạt 100 kg quả/cây.

Phần V
GIỐNG CÂY CÓ CỬ

A. KHOAI LANG

GIỐNG KHOAI LANG NN31

Do Trung tâm nghiên cứu cây có Củ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn lọc từ nguồn vật liệu khoai lang nhập nội của CIP năm 1996. Giống NN31 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép khu vực hóa năm 2000.

Năng suất củ tương đối cao 15 - 20 tấn/ha. Năng suất thân lá cao 25 - 40 tấn/ha, hàm lượng chất khô cao 27 - 34%, hàm lượng protein thô khá, hàm lượng đường tổng số tương đối cao (5% so với trọng lượng củ tươi), ăn ngon. Khả năng chịu hạn chịu rét khá, trồng được nhiều vụ trong năm. Thời gian sinh trưởng 3,5 - 4,0 tháng.

GIỐNG KHOAI LANG K51

Giống khoai lang K51 được lai giữa giống CN1028 - 15 (nhập từ CIP) với giống khoai lang số 8 (số 1 Miền Nam × Bát Luận Xuân). Do PGS. TS. Mai Thạch Hoàn - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo. Được công nhận là giống quốc gia năm 2000.

Giống K51 có thân lá màu xanh đậm không có vị chát, thích hợp làm rau xanh cho chăn nuôi, đốt thân ngắn, lá hình tim. Củ hình thành rất sớm và nông từ các đốt thân nằm sát mặt luống, củ hình thoi, vỏ củ nhẵn, màu vàng nhạt.

Thịt củ màu vàng đỏ như đu đủ chín, sau khi bảo

quản từ 15 - 20 ngày trở đi, tỷ lệ chất khô tinh bột và đường đều tăng dần. Giống K51 có tính thích ứng rộng, có thời gian sinh trưởng ngắn 70 - 80 ngày. Năng suất 16 - 25 tấn củ và 10 - 15 tấn thân lá/ha, nếu được thâm canh tốt năng suất có thể đạt 30 - 40 tấn củ và 15 - 30 tấn thân lá/ha.

Giống K51 có khả năng trồng 4 vụ trong năm (Xuân, Hè, Thu, Đông). Mật độ trồng khoảng 1.200 - 1.500 cây/1 sào Bắc Bộ (5 dây/m dài).

GIỐNG KHOAI LANG HL4

Tác giả: KS. Nguyễn Thị Thủy, TS. Hoàng Kim, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện KHKTNN Miền Nam bắt đầu chọn tạo năm 1981, được công nhận là giống mới năm 1987. Giống HL4 là giống được chọn lọc từ tổ hợp lai 3 (Gạo × Bí Đà Lạt) × Tainung 57.

Thân chính dài trung bình 110 cm, màu xanh. Lá xanh thẫm, phân thùy 3 - 5 khía nông, gân trên màu xanh, gân dưới màu tím. Thời gian sinh trưởng vụ Xuân 85 - 90 ngày, vụ Hè Thu và Thu Đông 90 - 95 ngày, vụ Đông 80 - 90 ngày.

Năng suất trung bình 17,4 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 23 tấn/ha. Vỏ củ màu đỏ, ruột màu cam đậm, tỷ lệ chất khô trung bình 30,4%. Trung gian giữa nhóm khoai dẻo và khoai bột, củ to vừa phải, thuôn, lóng thích hợp với bán tươi.

Thích ứng rộng, chịu hạn khá, ít nhiễm sâu đục

thân, nhiễm nhẹ đến trung bình đối với Sùng đục củ.

Thích hợp trên chân đất xám trên phù sa cổ, đất đỏ Bazan vùng Đông Nam bộ và Nam Tây Nguyên. Có thể trồng nhiều vụ trong năm nếu đủ nước tưới.

B. KHOAI TÂY

GIỐNG KHOAI TÂY KT3

Giống khoai tây KT3 (ký hiệu 105.32) do Trung tâm Nghiên cứu Cây có Củ, Viện KHKTNN Việt Nam chọn ra từ tổ hợp lai Serrana/I.1035 nhập năm 1986 của Trung tâm Khoai Tây Quốc Tế (CIP).

Giống khoai tây KT3 có thời gian sinh trưởng ngắn 80 ngày, cây phát triển khỏe, cho năng suất cao từ 20 - 30 tấn/ha (700 - 1.000 kg/1 sào Bắc bộ). Tỷ lệ củ to trên 100 g là 35 - 40% sản lượng. Ruột củ vàng đậm, phẩm chất ngon.

Chống chịu bệnh virus và chịu nhiệt tốt. Nhiễm bệnh héo xanh, mốc sương và héo vàng trung bình.

Củ giống bảo quản trong kho tán xạ có thời gian ngủ nghỉ dài 160 ngày, củ giống ít nhăn và có 4 - 6 mầm trên củ, mầm trẻ và khỏe.

Thời vụ trồng: Vụ Đông sớm trồng từ 5/10 dương lịch, vụ Đông chính vụ trồng từ 20/10 - 5/11 dương lịch.

GIỐNG KHOAI TÂY VC38 - 6

Giống VC38 - 6 do Trung tâm Nghiên cứu Cây có Củ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tuyển chọn từ tổ hợp lai bằng hạt giữa DT0-2 x 7XY. 1 của CIP nhập năm 1983.

Thời gian sinh trưởng 90 - 100 ngày, tiềm năng năng suất 25 - 30 tấn/ha, sinh trưởng khỏe, chống chịu virus, mốc sương khá, chống sương mai tốt. Chất lượng khá, tỷ lệ chất khô cao 22 - 24%, mắt nông, mã củ đẹp.

C. SẴN (KHOAI MÌ)

GIỐNG SẴN HL23

Tác giả: TS. Trần Ngọc Quyền, TS. Hoàng Kim. KS. Võ Văn Tuấn, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện KHKTNN Miền Nam.

Giống sắn HL23 được tuyển chọn trong tập đoàn giống sắn từ năm 1983, được phép khu vực hóa năm 1990.

Giống HL23 cây cao 2 - 2,4 m, không phân nhánh, mọc gọn. Thân già màu trắng mốc, thân non màu xanh vàng có 5 khía ứng đỏ. Lá có 7 - 9 thùy thon nhọn, lá non màu xanh nhạt. Củ thuôn, vỏ ngoài màu nâu nhạt, thịt củ trắng, cuống củ 1- 3 cm.

Thời gian từ trồng đến thu hoạch 7 - 9 tháng. Năng suất thí nghiệm 18 - 20 tấn củ/ha. Hàm lượng tinh bột 25,5 %. Nhiễm nhẹ *X. manihotis*.

Giống sắn HL23 có thể trồng trên các loại đất đỏ, đất xám và đất cát ven biển. Hiện đang trồng chủ yếu ở các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, Bình Phước.

Thời vụ trồng tốt nhất đầu mùa mưa, từ tháng 4 đến tháng 6. Có thể trồng giữa mùa mưa tháng 9 đến trung tuần tháng 10.

Mật độ trên đất đỏ 11 nghìn cây/ha, trên đất xám và đất cát 15 - 16 nghìn cây/ha. Có thể trồng xen với ngô và các loại đậu đỗ.

GIỐNG SẮN HL24

Tác giả: TS. Trần Ngọc Quyên, TS. Hoàng Kim, KS. Võ Văn Tuấn, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện KHKTNN Miền Nam.

Giống sắn HL24, được tuyển chọn trong tập đoàn giống sắn từ năm 1983, được phép khu vực hóa năm 1990.

Giống HL24 cây cao 1,8 - 2,3 m, phân nhánh đến cấp 3. Thân già màu xám. Lá thon nhọn có 7 thùy. Củ thuôn đều, vỏ ngoài củ màu nâu xám, vỏ trong màu đỏ sẫm, thịt củ trắng. Cuống củ nhỏ dài 1 - 4 cm.

Thời gian từ trồng đến thu hoạch 7 - 9 tháng. Năng suất HL24 cao hơn HL23, trong thí nghiệm khoảng 20 - 22 tấn củ/ha. Hàm lượng tinh bột 26,5%. nhiễm nhẹ *X. manihotis*.

GIỐNG SẮN RAYONG 60

Giống sắn Rayong 60 do Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện KHKTNN Miền Nam tuyển chọn từ tập đoàn giống sắn nhập nội.

Giống Rayong 60 năng suất củ 17,0 - 31,0 tấn/ha. Chín sớm 7 - 12 tháng, chỉ số thu hoạch cao 56%, tỷ lệ tinh bột lúc 7 tháng đạt 24,6%, lúc 9 tháng đạt 26,4%.

Kháng nhẹ bệnh virus, nhiễm trung bình bệnh đốm lá.

Chiều cao cây trung bình, dạng thân gọn, phân nhánh ít và muộn, thích hợp trồng xen.

GIỐNG SẮN KM94

Giống sắn KM94 (Kasesart 50) được Trung tá Nghiên cứu cây có Củ chọn ra từ tập đoàn giống nội từ CIAT/Thái Lan.

Giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép khu vực hóa ở khu vực phía Bắc ngày 9/3/1995.

Thân xanh, hơi cong, ngọn tím, không phân nhánh. Năng suất củ tươi đạt 30 - 40 tấn/ha, tỷ lệ chế khô đạt 39 - 40%, hàm lượng tinh bột 29 - 30%. Thời gian sinh trưởng từ 7 - 12 tháng. Giống sắn KM94 đã đầu năng suất ở hầu hết các tỉnh phía Nam và phía Bắc.

Phần VI
MỘT SỐ GIỐNG RAU

A. CÀ CHUA

GIỐNG CÀ CHUA CHỊU NHIỆT VR2

Giống cà chua chịu nhiệt VR2 do KS. Vũ Thị Tần và các cộng tác viên - Viện Nghiên cứu rau quả Trun Ương chọn tạo từ tập đoàn cà chua nhỏ thu tập gồm 1 mẫu từ Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan. Qua 3 vụ khảo nghiệm đã xác định được mẫu giống CH12, có nguồn gốc từ Đài Loan có biểu hiện về năng suất cao và có khả năng chịu nhiệt và chịu bệnh tốt. Nhưng chúng chịu thuận về dáng cây và quả đã tiến hành chọn giống theo phương pháp hỗn hợp nhiều lần. Từ năm 1996 giống được đưa khảo nghiệm quốc gia và giống được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là giống quốc gia năm 2001

Giống cà chua chịu nhiệt VR2 là giống có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển miền Trung. Ở điều kiện sinh thái khác nhau giống cho năng suất trong vụ Đông Xuân ở mức 27 - 32 tấn/ha. Vụ Xuân Hè ở mức 18 - 20 tấn/ha. vụ Hè Thu 13 - 17 tấn/ha, giống được một số nông dân ở Đông Anh và Hà Tây gieo trồng quanh năm để cung cấp cho khách sạn và khu du lịch, siêu thị.

Giống cà chua chịu nhiệt VR2 có khả năng chịu năng suất cao, ổn định ở các vùng sinh thái khác nhau. Giống có phẩm chất tốt, phù hợp với ăn tươi và chế biến nước giải khát. Giống có khả năng chịu nhiệt nên có khả năng trồng quanh năm và cung cấp sản phẩm tươi quanh năm cho thị trường. Giống có khả năng chịu

bệnh tốt. Giống cà chua chịu nhiệt VR2 có thể trồng rộng rãi ở đồng bằng (Hà Tây, Hải Phòng, Hà Nội...), vùng trung du và những nơi có khu du lịch như Quảng Ninh, Vĩnh Phú, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An...

GIỐNG CÀ CHUA SB2

Giống cà chua SB2 là giống do Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam chọn tạo từ tổ hợp lai Star x Ba Lan từ giữa những năm 80. Thời gian sinh trưởng khoảng 104 - 113 ngày, thuộc loại hình hữu hạn, cây cao khoảng 40 - 50 cm. Quả to trung bình 60 - 100 g, cùi quả dày. Trông vụ Hè thường bị nứt quả (tỷ lệ 3 - 5%), nhưng chịu được bệnh virus - đặc biệt là virus khảm lá (Tobacco Mosaic Virus). Năng suất đạt 25 - 30 tấn/ha.

GIỐNG CÀ CHUA SB3

Giống cà chua SB3 là giống do Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam chọn tạo từ tổ hợp lai Star x Ba Lan cùng với SB2 nhưng giống SB3 thấp cây hơn, chỉ cao khoảng 43 - 45 cm. Thời gian sinh trưởng khoảng 105 - 111 ngày, mọc khỏe. Dạng quả giống như SB2, khoảng 60 - 100 g/quả, mỗi cây có thể đạt 1,16 - 1,87 kg quả. Năng suất trung bình đạt 24 - 37 tấn/ha.

Hai giống SB2 và SB3 đã được Hội đồng khoa học Bộ NN và PTNT công nhận là giống mới vào tháng 7 năm 1994 và đang được gieo trồng rộng rãi ở một số tỉnh phía Nam như Ninh Thuận, Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Lâm Đồng.

B. DƯA CHUỘT

Các giống dưa chuột Việt Nam được chia thành 2 nhóm:

Nhóm quả ngắn: (đại diện là giống Tam Dương) Quả có chiều dài khoảng 10 cm, đường kính 2,5 - 3 cm. Nhóm này có thời gian sinh trưởng ngắn (65 - 80 ngày tùy vụ trồng). Năng suất khoảng 15 - 20 tấn/ha. Dạng này rất thích hợp cho đóng hộp sát giảm dấm.

Nhóm quả trung bình: Thuộc nhóm sinh thái vùng đồng bằng, đại diện là các giống Yên Mỹ, Thủy Nguyên, Yên phong, Quế Võ... Quả có kích thước 15 - 20 x 3,5 - 4,5 cm. Thời gian sinh trưởng của giống 75 - 85 ngày, năng suất 22 - 25 tấn/ha. Các giống này có thể sử dụng để chế tư đóng lọ thủy tinh.

Tất cả các giống dưa chuột Việt Nam đều có màu gai quả đen hoặc nâu. Đặc điểm này là nguyên nhân làm quả ngả sang màu vàng. Qua giống có màu vàng sẫm hoặc nâu. Các giống này đều chống bệnh phấn trắng cao, chịu bệnh sương mai trung bình, chất lượng tốt.

DƯA CHUỘT NHẬT QUẢ DÀI

Có 2 dạng quả; Quả nhân (đại diện là giống F1TK, TO) kích thước 30 - 40 x 4 - 6 cm, trọng lượng quả 200 - 400 g; quả giống nặng 700 g. Dạng quả này sử dụng để muối mặn. Dạng quả nhân, có kích thước nhỏ hơn 25 - 30 x 4 - 5 cm thường được dùng để ăn tươi. Quả của các

giống này đều có màu xanh hoặc xanh đậm, gai trắng phần lớn là giống lai F1 nên chúng có năng suất cao, trung bình từ 30 - 35 tấn/ha. Thời gian sinh trưởng 90 - 100 ngày. Bị bệnh sương mai nặng, phấn trắng nhẹ.

GIỐNG DƯA CHUỘT LAI SAO XANH 1

Giống dưa chuột lai sao xanh 1 do GS. Vũ Tuyên Hoàng, TS. Đào Xuân Thắng và các cộng sự - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm chọn tạo, được công nhận giống quốc gia năm 2000.

Giống dưa chuột lai sao xanh 1 có thời gian sinh trưởng từ 85 - 90 ngày. Thời gian thu quả kéo dài từ 45 - 50 ngày, có thể thu quả lứa đầu sau 40 - 45 ngày gieo, cây phát triển khỏe, quả dài 23 - 25 cm, cùi dày 1,2 - 1,5 cm, đường kính 2,8 - 3,0 cm. Quả có dạng hình đẹp, thích hợp cho ăn tươi, muối mặn xuất khẩu. Giống dưa chuột lai sao xanh 1 được tạo ra bằng con đường sử dụng ưu thế lai F1. Giống sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu sâu bệnh tốt, thích hợp cho cả vụ 2 Xuân Hè và Thu Đông. Giống cho năng suất cao 40 - 42 tấn/ha, có nơi năng suất đạt trên 50 tấn/ha.

C. HÀNH TÂY

Giống hành tây Grano và Granex

Giống Grano và Granex là 2 giống nhập từ Pháp và Nhật Bản. Đặc điểm chính của 2 giống này được thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7: Những đặc điểm chính của 2 giống hành tây Grano và Granex

Những đặc điểm chính	Giống hành tây	
	Grano	Granex
Hình dạng củ	Tròn cao	Tròn dẹp, dáng đẹp
Vỏ ngoài	Vàng đậm	Vàng nhạt
Mặt đáy củ	Lồi rõ	Phẳng, không lồi
Núm củ	To	Nhỏ
Đường kính trung bình của củ	5 - 6 cm	7 - 8 cm
Khối lượng trung bình của củ	100 - 150 g	150 - 200 g
Thịt củ	Trắng	Trắng
Thời gian sinh trưởng	120 - 130 ngày	120 - 130 ngày
Năng suất trung bình	15 - 20 tấn/ha	15 - 20 tấn/ha

Cả 2 giống hành tây Grano và Granex đều là giống có dáng đẹp, chất lượng ngon nên dễ xuất khẩu, người tiêu dùng trong nước cũng ưa thích hơn loại hành vỏ tím và loại hành Creole. Ở các tỉnh phía Nam có thể gieo hạt từ trung tuần tháng 9 đến hết tháng 11 và đầu tháng 12 dương lịch.

Phần VII

MỘT SỐ GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP

A. THUỐC LÁ

GIỐNG THUỐC LÁ COKER (C. 176)

C. 176 là giống của Mỹ được Liên hiệp thuốc lá Việt Nam nhập năm 1989. Hiện được trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam và một số vùng ở phía Bắc như Cao Bằng, Thanh Hóa, Hà Tây...

Đặc điểm chính: Chiều cao cây 110 - 130 cm. Số lá kinh tế 25,3, độ dài lông 4,12 cm. Thời gian từ trồng đến nở hoa 68 ngày, thời gian từ trồng đến thu hoạch xong 110 - 120 ngày. Lá có hình elip trung bình đến elip dài, tai lá to cổ lá rộng.

C. 176 đề kháng thấp với bệnh đen thân và héo rũ vi khuẩn, đề kháng cao với bệnh héo nấm Fusarium và tuyến trùng gây thối rễ, không bị bệnh đốm thời tiết và đề kháng virus gây khảm lá (TMV).

C. 176 thích nghi tốt với điều kiện nước ta. Trong điều kiện thâm canh, tưới tiêu thuận lợi, năng suất có thể đạt 20 - 25 tấn/ha. Tại các vùng núi, không chủ động nước tưới năng suất đại trà chỉ ở mức 13 - 15 tạ/ha.

Về phẩm chất: Giống C.176 sau sấy cho nguyên liệu màu vàng chanh đến vàng nhẵn, độ dầu dẻo khá, độ dày lá trung bình. Tỷ lệ lá cấp 1 + 2 + 3 có thể đạt trên 70%. Hàm lượng nicôtin từ 1,5 - 3%. Hàm lượng gluxit hòa tan từ 14 - 27%. Điểm bình hút cảm quan loại khá.

GIỐNG THUỐC LÁ KINH 326 (K. 326)

K. 326 là giống do Công ty Northrup Kinh ở Mỹ tạo ra, được chọn lọc và phóng thích năm 1984. K. 326 hiện là giống chủ lực tại Mỹ, Trung Quốc và một số quốc gia khác. K. 326 được Công ty thuốc lá Bến Thành trồng lần đầu tiên ở nước ta năm 1989 và hiện nay được trồng nhiều ở các vùng phía Bắc như Bắc Giang, Lạng Sơn...

Các đặc điểm chính: Chiều cao cây 100 - 120 cm. Số lá kinh tế 19,2, độ dài lông 4,47 cm. Thời gian từ trồng đến nở hoa 60 ngày. Thời gian từ trồng đến thu hoạch xong 100 - 110 ngày. Lá có hình elip dài đến lưỡi mác, mặt lá gồ ghề, cuống lá dài, viền cổ lá hẹp.

K. 326 đề kháng thấp với bệnh đen thân và héo rũ vi khuẩn, đề kháng cao với tuyến trùng gây thối rễ. Không kháng virus gây khảm lá (TMV).

K. 326 trồng ở Mỹ cho năng suất cao và có thể đạt 36 tạ/ha. Ở nước ta năng suất đại trà tại các tỉnh miền núi khoảng 12 - 14 tạ/ha, tại các vùng trung du có thể đạt 16 - 20 tạ/ha. Giống K. 326 sẽ cho năng suất thấp nếu trong thời kỳ sinh trưởng gặp hạn rét kéo dài.

Về phẩm chất: Giống K. 326 có chất lượng rất tốt. Lá thuốc sau sấy có màu vàng nhẵn đến vàng cam, độ dầu dẻo cao, độ dày lá khá. Tỷ lệ lá cấp 1 + 2 + 3 có thể đạt trên 85%. Hàm lượng nicôtin từ 1,6 - 2,5%, hàm lượng glucit hòa tan từ 15 - 28%, điểm bình hút cảm quan đạt loại tốt.

GIỐNG THUỐC LÁ RG8

Là giống của Công ty RG - Mỹ được nhập vào Việt Nam năm 1993. Qua các bước khảo nghiệm giống, RG tỏ ra có triển vọng và đã được phép khu vực hóa.

Các đặc điểm chính: Chiều cao cây 100 - 110 cm, số lá kinh tế 22,9, độ dài lóng 3,61 cm. Thời gian từ trồng đến nở hoa 65 ngày, thời gian từ trồng đến thu hoạch xong 110 - 120 ngày. Lá có hình elip trung bình đến elip dài, mặt lá gồ gề.

RG8 có khả năng đề kháng trung bình đối với bệnh đen thân và héo rũ vi khuẩn, miễn cảm với bệnh đốm lá thời tiết và virus khảm lá (TMV).

Năng suất của giống RC8 tại các điểm khảo nghiệm thường vượt giống đối chứng C.176, K.326.

Về chất lượng: Lá thuốc sau khi sấy có màu vàng chanh, vàng nhẵn, độ dầu dẻo khá. Tỷ lệ lá cấp 1 + 2 + 3 đạt 75 %. Hàm lượng nicôtin 1,6 - 3%, hàm lượng glucit hòa tan từ 12 - 27%. Điểm bình hút cảm quan được đánh giá đạt khá.

GIỐNG THUỐC LÁ K.339

Là giống của Công ty Northrup King - Mỹ, được Tổng công ty thuốc lá Việt Nam nhập năm 1993. Qua các bước khảo nghiệm giống K.339 tỏ ra có triển vọng và đã được phép khu vực hóa.

Các đặc điểm chính: Chiều cao cây 100 - 110 cm, số lá kinh tế 27,3. Độ dài lóng 3,48 cm. Thời gian từ trồng đến nở hoa 65 ngày, thời gian từ trồng đến thu

hoạch xong 105 - 115 ngày. Lá có hình elip trung bình.

K.339 đề kháng cao với bệnh đen thân và héo rũ vi khuẩn, kháng một số loài tuyến trùng gây thối rễ thuốc lá. Mẫn cảm với bệnh đốm lá thời tiết và virus gây khảm lá (TMV).

Năng suất của giống K.339 tại các điểm khảo nghiệm tương đương hoặc cao hơn giống đối chứng C.176, K. 326.

Về chất lượng: Lá thuốc sau khi sấy có màu vàng chanh, vàng nhẵn và cả vàng cam. Tỷ lệ lá cấp 1 + 2 + 3 > 80%. Hàm lượng nicôtin từ 1,5 - 2,5%, hàm lượng glucit hòa tan từ 12 - 23%. Điểm bình hút cảm quan đạt loại khá.

B. VÙNG (MÈ)

Như chúng ta đã biết, nước ta có diện tích trồng vùng đứng thứ 17 so với các nước trồng vùng trên thế giới. Các năm 1989 - 1991 là 43 ngàn ha, tuy nhiên, đến năm 1998 chỉ còn 25 ngàn ha, năng suất đạt từ 300 - 500 kg/ha. Sở dĩ diện tích giảm, năng suất thấp, ngoài những yếu tố về tổ chức quản lý, yếu tố kỹ thuật và giống là quyết định.

Ở nước ta, các giống vùng địa phương như vùng nâu Nghệ An, vùng đen Tuyên Quang... Các giống này có thời gian sinh trưởng từ 70 - 74 ngày, số quả trên 1 đọt là 1. Có 15 - 20 quả trên cây, có 8 dãy hạt. Khối lượng 1.000 hạt thấp: 2,1 - 2,2 g, có chỉ số axit cao từ 4,7 - 10,7, hàm lượng dầu đạt từ 45,2 - 47,5%. (Xem bảng 8).

GIỐNG VÙNG V6 (VÙNG TRẮNG NHẬT BẢN)

Giống vùng V6 được nhập nội từ Nhật Bản và được thử nghiệm tại nước ta từ những năm 1994 - 1995.

Giống vùng V6 có thời gian sinh trưởng từ 70 - 75 ngày. Số quả/cây biến động từ 28 - 38 quả, có 4 quả trên một đọt, có 4 dãy hạt, số hạt trên quả là 70, khối lượng 1.000 hạt đạt 2,8 - 3 g. Năng suất đạt 700 - 750 kg/ha, trên diện tích thí nghiệm ở Bắc Giang và Nghệ An đã đạt 10 - 18 tạ/ha (Theo số liệu của Trung tâm Khoa học và Khuyến nông Nghệ An, 1996). Giống vùng V6 không chỉ có năng suất hạt cao mà chất lượng hạt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo tiêu chuẩn vùng xuất khẩu sang

Nhật cho Tập đoàn Kadoya: Hàm lượng dầu đạt 52 - 54%, hàm lượng protein biến động từ 2 - 3%. Chỉ số axit thấp biến động từ 3 - 4. Chỉ số axit càng thấp chất lượng vừng càng cao, bảo quản dễ và không phức tạp trong chế biến.

Giống vừng V6 thích hợp với các công thức luân canh sau:

Lạc Xuân - Vừng V6 - Ngô Đông.

Vừng Xuân - Vừng Hè - Cây Dược Liệu.

Vừng Xuân - Đậu Tương Hè - Lúa Mùa muộn.

Vừng Xuân - Đậu Tương Hè - Ngô Đông.

Hiện nay giống vừng V6 đang được trồng phổ biến ở một số địa phương như Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An...

Giống này đang được Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục chọn lọc và làm thuần. Nếu áp dụng đúng biện pháp kỹ thuật, có thể cho năng suất trên diện rộng từ 800 đến 1.000kg/ha.

Bảng 8: Một số đặc tính của các giống vừng gieo trồng phổ biến ở nước ta

Các giống	Năng suất (tạ/ha) (*)	Tỷ lệ dầu (%)	Chỉ số axit	Protein (N%)	Khối lượng 1000 hạt (g)
Nghệ An (Nâu)	3,2 - 5,2	47,5	4,7-10,7	2,66	2,13
Nghệ An (Đen)	4,1 - 5,6	49,2	28 - 8,6	2,93	2,24
Hà Tĩnh	3,0 - 4,9	47,3	-	2,55	2,14
Quảng Bình	2,9 - 5,1	47,2	-	2,62	2,13
Thanh Hóa	3,6 - 5,5	47,6	-	2,68	2,18
Hà Bắc	3,4 - 4,6	47,1	8,5 - 9,8	2,40	2,18
Bắc Thái	3,8 - 5,8	46,5	-	2,47	2,22
Vĩnh Phú	3,5 - 5,4	47,2	-	2,53	2,19
Hải Hưng	3,7 - 5,8	47,9	-	2,56	2,13
Đồng Anh (Hà Nội)	4,2 - 5,7	45,2	-	2,53	2,15
Vùng Miền Điện	7,0 - 14,3	51,03 - 52,46	9,2 - 13,0	3,24 - 3,84	2,65 - 2,78
Vùng Nhật	7,8 - 18,5	51,82 - 54,67	1,8 - 2,7	3,83 - 4,26	2,98 - 3,05

(*) Số liệu điều tra trên đồng ruộng lúc thu hoạch, theo Nguyễn Vy, 1996.

C. MÍA

Hai giống mía nhập nội QĐ15 và SP701143 được trường Đại học Nông nghiệp I và Công ty mía đường Lam Sơn - Thanh Hóa đưa vào sản xuất năm 2000.

GIỐNG MÍA QĐ15

Giống mía này có chiều cao cây 285,7 cm, số lá xanh 11 lá/cây. Đường kính thân 3,62 cm. Chiều dài lóng 11,2 cm. Khối lượng thân 2,56 kg, khối lượng trung bình trên cây là 2,56 kg, năng suất lý thuyết đạt 204,8 tấn/ha. Độ Brix trung bình đạt 22,8%. Mức độ sâu bệnh hại nhẹ và kháng bệnh than đen, là giống thích hợp trong hệ thống giống chín muộn ở các tỉnh phía Bắc.

GIỐNG MÍA SP701143

Giống này có thân cao, đường kính lóng hơi nhỏ màu nâu nhạt, lóng hình chóp cụt có phủ lớp sáp dày. Lá màu xanh kích thước lá bé, bẹ lá màu xanh nhạt.

Mầm hình bầu dục. Chiều cao cây đạt 332 cm, số lá xanh đạt 10 lá/cây. Chiều dài lóng 16,1 cm. Đường kính thân 2,25 cm. Khối lượng thân 1,97 kg. Khối lượng trung bình cây 1,97 kg. Năng suất lý thuyết đạt 137,9 tấn/ha. Độ Brix đạt 20,96%. Khả năng chống chịu sâu bệnh tốt và không nhiễm bệnh than đen. Có khả năng chịu hạn, chịu rét, chịu đất xấu. Đây là giống có thể thích hợp trong hệ thống giống chín muộn.

GIỐNG MÍA K84.200

Giống mía K84.200 có nguồn gốc từ Thái Lan. Năm 1992 Công ty đường Hiệp Hòa mang về và cho biết giống này rất có triển vọng.

Thân to cây phát triển thẳng, lóng hình trụ dài màu xanh vàng, có phủ một lớp sáp mỏng, không có vết nứt sinh trưởng. Mầm hình tròn nhỏ, cánh mầm rộng, đáy mầm sát vết sẹo lá, lá to mọc thẳng đứng, phiến lá hơi rũ ở ngọn, màu xanh vàng, bẹ lá ít lông màu xanh, có nhiều phấn lá. K84.200 thích hợp trên nhiều loại đất, đặc biệt phát triển tốt trên đất phèn mặn, chống chịu sâu bệnh khá, không trở cờ.

Mật độ hữu hiệu của cây biến thiên khoảng 100.000 - 120.000 cây/ha, đẻ nhánh 2,05 nhánh/cây mẹ. Chiều cao cây từ 2,94 - 2,96 m. Giống này thuộc nhóm chín trung bình, có thể trồng được cả hai vụ. Năng suất trung bình 108 tấn/ha.

Thời vụ trồng: Vụ Hè trồng vào tháng 4, 5, 6, mật độ 32.000 hom/ha; vụ Đông Xuân trồng vào tháng 11, 12, 01 mật độ 36.000 hom/ha.

CÁC GIỐNG MÍA VN84.422, VN85.1427, VN85.1859

Đây là các giống mía có tiềm năng suất cao, chất lượng tốt và đặc biệt là khả năng thích ứng với các vùng sinh thái đặc thù, có khả năng chịu hạn cho vùng Đông Nam bộ.

Nguồn gốc và đặc điểm của các giống trên được mô tả ở bảng 9

Bảng 9: Đặc điểm của 3 giống mía chịu hạn có năng suất và chất lượng cao

TT	Đặc điểm	VN84.422	VN85.1427	VN85.1859
1	Nguồn gốc Năm lai tạo Bố mẹ	Viện NCMBVN 1984 VN6628/Lai hỗn hợp	Viện NCMBVN 1985 VD54.18/F154	Viện NCMBVN 1985 CP49. 116/ Lai tự do
2	Thân Màu sắc Lóng Đường kính Đẻ nhánh	Xanh ần vàng, hơi hồng Dài Trung bình Khá	Xanh ần vàng, tía Trung bình Trung bình Tốt	Xanh ần vàng, đỏ Trung bình To Tốt
3	Lá Màu sắc Phiến lá Bẹ lá	Xanh Trung bình, lá đứng Ôm chặt, có lông	Xanh đậm Rộng, lá đứng Ôm chặt, có nhiều lông	Xanh đậm Rộng, lá đứng Ôm ít, có nhiều lông
4	Mắt mầm	Nhỏ	To	To
5	Sâu bệnh	Kháng sâu, nhiễm bệnh lá	Kháng sâu, ít nhiễm bệnh lá	Kháng sâu, ít nhiễm bệnh lá
6	Chịu hạn	Khá	Khá	Tốt
7	Chịu ngập úng	Khá	Khá	Khá
8	Năng suất	>60 tấn/ha	> 60 tấn/ha	>70 tấn/ha
9	Chất lượng	CCS > 12%	CCS > 10,5%	CCS > 11%
10	Mùa vụ	Vụ I + II	Vụ II	Vụ I + II
11	TGST	Rất sớm	Sớm	Sớm - Trung bình

**MỘT SỐ GIỐNG MÍA MỚI VN84 - 4137, VĐ79 - 177,
VĐ63 - 237, ROC16, ROC1**

Các giống mía này được Viện Nghiên cứu mía đường thuộc Tổng Công ty mía đường II chọn tạo đã được Bộ NN và PTNT cho phép khu vực hóa.

Đây là các giống mía có tỷ lệ nảy mầm cao, sức đẻ nhánh tốt, tỷ lệ cây bị sâu hại trung bình thấp, đặc biệt là các giống ROC16, ROC1 và VN84 - 4137 hầu hết các giống đều nhiễm các bệnh đốm vòng, thối đỏ trên lá ở mức nhẹ đến trung bình. Tỷ lệ cây đổ thấp: 18 - 30% (cấp I - III). Tỷ lệ cây trở cờ thấp. Năng suất cao từ 65 - 100 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 110 tấn/ha.

Để lựa chọn đúng các giống mía dưới đây xin giới thiệu cơ cấu bộ giống mía trình bày trên bảng 10 thích hợp cho từng vùng sinh thái khác nhau.

Bảng 10: Cơ cấu bộ giống mía

Địa bàn sản xuất	Nhóm giống		
	Chín sớm	Chín trung bình	Chín muộn
Các tỉnh phía Bắc	ROC20 ROC1	VĐ79. 177 ROC10 - ROC9 ROC16 F156, QĐ15	My55.14 VĐ63.237
Các tỉnh ven biển miền Trung - Tây Nguyên	VN84.4137 ROC1 VN84.422	VĐ79. 1771 ROC10 ROC16 F156	QĐ15 My55.14
Các tỉnh Đông Nam bộ	ROC1 VN84.422 VĐ79.177 VN84.4137	ROC16 ROC10 F156 R570 - R579 ROC16	QĐ15 My55. 14
Các tỉnh ĐBSCL	ROC20 ROC1 VN85.1859	VĐ81.3254 QĐ15 ROC10	VĐ63.237 My55.14 K84.200

D. ĐIỀU

DÒNG ĐIỀU DH66

Nguồn gốc: Dòng Điều DH66 có nguồn gốc ở Bình Định.

Một số đặc tính chủ yếu: DH66 có dạng hình lùn dạng tán dù, màu lá non xanh, hình dạng phiến lá phẳng. Thời gian phát hoa ngắn, tỷ lệ cành ra hoa 96% tỷ lệ cành hữu hiệu 95%. Số quả/chùm 4 - 5 quả, quả có màu hồng, khối lượng quả giả 75 g, số hạt/kg 166. Tỷ lệ nhân 28%, năng suất 4.210 kg/ha.

Khả năng chống sâu bệnh khá.

MỘT SỐ DÒNG VÔ TÍNH ĐIỀU CÓ TRIỂN VỌNG TẠI THỐNG NHẤT, ĐỒNG NAI NĂM 1995 - 2000

Đây là những dòng vô tính, có năng suất cao và chất lượng hạt tốt, kích cỡ hạt (hạt/kg) biến động từ 143,8 đến 169,8 hạt/kg, tỷ lệ nhân ở các giống dao động từ 27 đến 32%. Năng suất hạt (kg/cây) biến động từ 6,2 đến 9,8 kg/cây (Xem bảng 11).

Bảng 11: Một số dòng điều có triển vọng tại Thống Nhất, Đồng Nai năm 1995 - 2000

Giống	Chiều cao cây (m)			Đường kính tán (m)			Năng suất hạt (kg/cây)		
	Số tháng sau trồng								
	30	42	54	30	42	54	1998	1999	2000
PN1	3,53	4,44	6,12	4,93	6,30	8,97	1,40	4,37	9,82
KH1	3,66	4,45	5,95	5,37	6,70	9,75	1,20	3,14	6,24
LG1	3,49	4,27	6,27	4,59	5,95	9,62	1,65	3,91	6,70
KI1	3,58	4,45	6,09	5,00	6,82	9,51	1,24	3,58	7,75

Nguồn: P.V. Biên, N.T. Bình, Đồng Nai, 2000

DÒNG ĐIỀU DH67

Nguồn gốc: Dòng Điều DH67 có nguồn gốc ở Bình Định.

Một số đặc tính chủ yếu: DH67 có dạng hình lùn, dạng tán dù, màu lá non tím hồng, hình dạng phiến lá cong. Thời gian phát hoa ngắn, tỷ lệ cành ra hoa 95%, tỷ lệ cành hữu hiệu 95%. Số quả/chùm 4 - 6 quả, quả có màu vàng, khối lượng quả giả 85 g, số hạt/kg 160. Tỷ lệ nhân 28%, năng suất 5.714 kg/ha.

Khả năng chống sâu bệnh khá.

E. DẦU

GIỐNG DẦU LAI VH9

Nguồn gốc: VH9 là giống Dầu lai F1 tam bội thể ($3n = 42$) được trồng bằng hạt lai giữa giống địa phương TB3 và giống nhập nội IA với giống Dầu tứ bội ($4n = 56$) thể do đột biến bằng chất Colchicine. Do các tác giả PGS. Hà Văn Phúc, Vũ Đức Ban, Ngô Xuân Bái - Trung Tâm nghiên cứu Dầu tầm tơ Trung ương chọn tạo, được công nhận là giống quốc gia năm 2000.

Một số đặc tính chủ yếu: Giống Dầu lai VH9 có kích thước lá lớn, dày. Khả năng giữ nước của lá sau thu hoạch tốt tươi lâu, giúp tầm ăn được nhiều dầu.

Sức sinh trưởng khỏe, chiều dài cành khá cao. Năng suất đạt 57 tấn/ha.

Giống dầu này cho nhiều lá vào vụ thu, thời vụ thích hợp cho việc nuôi giống tầm có chất lượng cho kén cao. Khả năng chống bệnh rỉ sắt, vi khuẩn và cháy lá khá.

Giống Dầu VH9 có khả năng thích ứng rộng với hầu hết các vùng khí hậu, đất đai trồng dầu trong cả nước, nhất là ở vùng đất bị nhiễm mặn và bị hạn.

GIỐNG DẦU LAI VH13

Nguồn gốc: VH13 là giống Dầu lai F1 tam bội thể được trồng bằng hạt lai giữa giống địa phương TB3 và giống nhập nội IA với giống Dầu tứ bội thể do đột biến

bằng chất Colchicine. Do Trung tâm nghiên cứu Đậu tằm tơ Trung ương chọn tạo.

Một số đặc tính chủ yếu: Giống Đậu lai VH13 có kích thước lá lớn, dày, khả năng giữ nước của lá sau thu hoạch tốt tươi lâu, giúp tằm ăn được nhiều dâu. Sức sinh trưởng khỏe, chiều dài cành khá cao. Năng suất đạt 61 tấn/ha.

Giống dâu này cho nhiều lá vào vụ Thu, thời vụ thích hợp cho việc nuôi giống tằm có chất lượng cho kén cao. Khả năng chống bệnh rỉ sắt, vi khuẩn và cháy lá khá.

Giống Đậu VH13 có chất lượng lá tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trương Đích.** 138 giống cây trồng mới. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 1994, 192 tr.
2. **Trương Đích.** Giống lúa thơm đặc sản, giống lúa xuất khẩu và chất lượng cao. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1994, 40 tr.
3. **Trần Khắc Thi.** Kỹ thuật trồng một số cây rau xuất khẩu. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1993.
4. **Hoàng Chương, Cao Vĩnh Hải.** Kỹ thuật trồng điều. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1998.
5. **Trần Đình Long.** Chọn giống cây trồng. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1997, 339 tr.
6. **Trần Đình Long, Lê Khả Tường.** Cây đậu xanh. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1998, 128 tr.
7. **Ngô Thế Dân, Trần Đình Long...** Cây đậu tương. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1999, 336 tr.
8. **Trần Thế Tục.** Cây nhãn, kỹ thuật trồng và chăm sóc. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1999, 115 tr.
9. **Ngô Thế Dân, ... Trần Đình Long, ..** Kỹ thuật đạt năng suất lạc cao. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 2000, 258 tr.
10. **Bùi Bá Bổng.** Rice Research and Development in Vietnam for the 21st century. Cuu Long Delta Rice Research Institute, Cantho. Vietnam, 274 PP.
11. **Hoàng Tuyết Minh.** Development of two line rice hybrid. Cuu Long Delta Rice Research Insitute, Cantho, Vietnam, 2000, PP. 161 - 166
12. **Trần Đình Long.** Định hướng nghiên cứu và phát triển lạc và đậu tương ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010. Kết quả NCKH, 1997. NXB. Nông Nghiệp, Hà Nội, 1998, tr 20 - 29.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Phần I: Một số giống lúa ở Việt Nam	5
Phần II: Giống ngô (bắp)	41
Phần III: Giống Đậu đỗ	52
A. Đậu Tương	53
B. Đậu xanh	63
C. Lạc (Đậu phụng)	66
Phần IV: Giống cây ăn quả	71
A. Nhãn	72
B. Xoài	82
C. Vải	84
D. Đu Đủ	85
Phần V: Giống cây có củ	87
A. Khoai lang	88
B. Khoai tây	91
C. Sắn (khoai mì)	92
Phần VI: Một số giống rau	95
A. Cà chua	96
B. Dưa chuột	98
C. Hành Tây	100
Phần VII: Một số giống cây công nghiệp	101
A. Thuốc lá	102
B. Vừng (mè)	106
C. Mía	109
D. Điều	113
E. Đậu	116
Tài liệu tham khảo	118

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ VĂN THỊNH

Phụ trách bản thảo: **NGUYỄN PHỤNG THOẠI**

Biên tập - sửa bài: **NGUYỄN THÀNH VINH**

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : (04) 8523887 - 8521940

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8297157 - 8299521

In 1.530 bản, khổ 13 x 19 cm tại Công ty In Bao bì và Xuất Nhập khẩu. Chấp nhận đề tài số 313/XB-QLXB do Cục Xuất bản cấp ngày 12/3/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2001.



Sách được phát hành tại :

CÔNG TY PHÁT HÀNH SÁCH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 31 - 33 Yên Bái - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

ĐT : 0511.821246 - Fax : 0511.827145

Email : phsdana@dng.vnn.vn